

# BÁO CÁO TÓM TẮT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KH&CN

(Đính kèm trong các báo cáo toàn văn của báo cáo định kỳ, báo cáo tổng kết hoặc xin gia hạn)

## A. THÔNG TIN CHUNG

### A1. Tên đề tài

- Tên tiếng Việt: Hiệu quả kinh tế và sự hài lòng của việc ứng dụng công nghệ số trong sản xuất lúa của nông hộ ở đồng bằng sông Cửu Long
- Tên tiếng Anh: Economic Efficiency and satisfaction of applying digital technology in Rice Production in the Mekong Delta

### A2. Thuộc ngành/nhóm ngành

N/NN ưu tiên 1: Kinh tế, Luật; Hướng nghiên cứu: Hiệu quả kinh tế và những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của việc ứng dụng công nghệ số trong sản xuất lúa của nông hộ ở ĐBSCL

N/NN ưu tiên 2: Quản lý; Hướng nghiên cứu: Nghiên cứu việc ra quyết định và mức độ hài lòng của nhà sản xuất khi ứng dụng công nghệ số vào quá trình sản xuất lúa

### A3. Loại hình nghiên cứu

Nghiên cứu cơ bản

### A4. Thời gian thực hiện

- Theo Hợp đồng đã ký kết: từ tháng 01/2024 đến tháng 01/2026

### A5. Kinh phí

Tổng kinh phí: 610.000.000 (đồng), gồm

- Kinh phí từ ĐHQG-HCM: 610.000.000 đồng

Kinh phí cấp đợt 1: 308.000.000 đồng theo QĐ số 982/ĐHQG-KHCN ngày 29/05/2024

Kinh phí cấp đợt 2: 302.000.000 đồng theo QĐ số 453/ĐHQG-HCM ngày 04/03/2025

- Kinh phí từ nguồn huy động (vốn tự có và vốn khác): 0 đồng

### A6. Chủ nhiệm

Học hàm, học vị, họ và tên: TS. Nguyễn Lan Duyên

Ngày, tháng, năm sinh: 23/01/1980

Nam/ Nữ: Nữ

Cơ quan: Trường Đại học An Giang

Điện thoại: 0919754547

Email: nlduyen@agu.edu.vn

### A7. Cơ quan chủ trì

Tên cơ quan: Trường Đại học An Giang

Họ và tên thủ trưởng: PGS. TS. Võ Văn Thắng

Điện thoại: 02966256565

Fax: 02963842560

Email: vvthang@agu.edu.vn

## **A8. Đối tác có đóng góp cho nghiên cứu**

(Giấy xác nhận đính kèm theo mẫu R04)

### **Cơ quan 1: Trường Đại học Mở TP.HCM**

Họ và tên thủ trưởng: Nguyễn Minh Hà

Điện thoại: 028-38364748 Fax: 028-38364748

Địa chỉ: 35 Hồ Hảo Hớn, Quận 1, TP.HCM

### **Khả năng đóng góp cho đề tài của đối tác (không quá 500 chữ):**

Trong quá trình triển khai đề tài thì Trường Đại học Mở TP.HCM sẽ cử một cán bộ chuyên trách tham gia hỗ trợ nhóm nghiên cứu trong suốt quá trình thực hiện. Cụ thể là từ khâu viết đề cương, cán bộ của Trường Đại học Mở TP.HCM sẽ tập hợp và cung cấp những tài liệu thứ cấp cho đề tài, bao gồm báo cáo về thực trạng ứng dụng công nghệ số hiện nay có liên quan đến lĩnh vực sản xuất, đặc biệt là sản xuất lúa ở Việt Nam và khu vực ĐBSCL. Bên cạnh đó, cá nhân của Trường Đại học Mở TP.HCM sẽ hỗ trợ công tác tìm kiếm các công trình nghiên cứu có liên quan đến sự hài lòng của khách hàng khi ứng dụng công nghệ số vào sản xuất nông nghiệp nói chung và trồng lúa nói riêng. Sau cùng, Trường Đại học Mở TP.HCM và cá nhân được cử sẽ hỗ trợ khâu xuất bản kết quả nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus

### **Cơ quan 2: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn An Giang**

Họ và tên thủ trưởng: Nguyễn Sĩ Lâm

Điện thoại: 02963854127 Fax: 02963854127

Địa chỉ: 07 Lê Triệu Kiệt, Phường Mỹ Bình, TP.Long Xuyên, An Giang

### **Khả năng đóng góp cho đề tài của đối tác (không quá 500 chữ):**

Trong quá trình triển khai đề tài thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn An Giang sẽ cử một cán bộ chuyên trách tham gia hỗ trợ nhóm nghiên cứu trong suốt quá trình thực hiện. Cụ thể là từ khâu viết đề cương, cán bộ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn An Giang sẽ tập hợp và cung cấp những tài liệu thứ cấp cho đề tài, bao gồm báo cáo về thực trạng ứng dụng công nghệ số hiện nay trong toàn tỉnh và khu vực ĐBSCL, các văn bản như chính sách, kế hoạch, báo cáo liên quan đến vấn đề ứng dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang và các tỉnh trong khu vực ĐBSCL. Trước khi khảo sát, cán bộ Sở NN&PTNT sẽ liên lạc với các đơn vị có liên quan như Ủy ban nhân dân các huyện trên địa bàn tỉnh An Giang để thống nhất kế hoạch khảo sát và nhờ các đơn vị liên quan hỗ trợ nhóm nghiên cứu trong quá trình khảo sát tại địa phương. Trong quá trình khảo sát, cán bộ của UBND sẽ tham gia khảo sát các bảng hỏi, phỏng vấn sâu cùng với nhóm nghiên cứu. Việc cán bộ của Sở tham gia vừa mang tính chất hỗ trợ và vừa mang tính chất giám sát quá trình thực hiện nhằm đảm bảo cho việc khảo sát đề tài một cách khách quan, trung thực. Sau khi đề tài đã hoàn thiện và nghiệm thu, UBND sẽ cùng liên hệ và phối hợp với Sở NN&PTNT để nghiên cứu các giải pháp, kiến nghị mà đề tài đưa ra để xây dựng kế hoạch, chính sách và chiến lược giúp phát huy các mặt tích cực và giảm thiểu tác động tiêu cực do ứng dụng công nghệ số tạo ra đối với nông hộ trong vùng

## **A9. Danh sách tham gia thực hiện**

| <b>TT</b> | <b>Họ và tên</b>     | <b>Đơn vị công tác</b> | <b>Nội dung công việc</b>                                    |
|-----------|----------------------|------------------------|--|
| 1         | Nguyễn Trần Cẩm Linh | Khác                   | Nội dung tham gia: 1,4,5 và hỗ trợ khâu đăng tạp chí quốc tế |

|    |                       |                         |   |
|----|-----------------------|-------------------------|---|
| 2  | Cao Văn Hôn           | Trường Đại học An Giang | Chủ trì nội dung: 2 và tham gia nội dung: 1,3,4,5     |
| 3  | Trần Thị Huỳnh Như    | Trường Đại học An Giang | Tham gia nội dung: 1,3,5                              |
| 4  | Võ Thị Bé Thơ         | Khác                    | Tham gia nội dung: 1,2,5 và hỗ trợ liên hệ địa phương |
| 5  | Nguyễn Thị Ánh Nguyệt | Trường Đại học An Giang | Tham gia nội dung: 1,4,5                              |
| 6  | Nguyễn Hữu Trí        | Trường Đại học An Giang | Tham gia nội dung: 2,5                                |
| 7  | Nguyễn Lan Duyên      | Trường Đại học An Giang | Chủ trì nội dung: 1,3,4,5 và tham gia nội dung: 2     |
| 8  | Hồ Bạch Nhật          | Trường Đại học An Giang | Tham gia nội dung: 2,3,4,5                            |
| 9  | Dương Thị Thanh Vị    | Trường Đại học An Giang | Tham gia nội dung: 1,3,5                              |
| 10 | Hồ Văn Tới            | Trường Đại học An Giang | Tham gia nội dung: 1,2,4                              |

## B. BÁO CÁO

### B1. Nội dung công việc

#### B1.1 Nội dung hoàn thành theo tiến độ đăng ký

| TT | Nội dung đăng ký  | Kết quả đạt được  | Mức độ hoàn thành nội dung đăng ký |
|----|---|---|------------------------------------|
| 1  | Nội dung 1: Phân tích thực trạng ứng dụng công nghệ số trong sản xuất lúa của nông hộ ở đồng bằng sông Cửu Long | -Đã tiến hành khảo sát các đối tượng liên quan; dữ liệu đã được | 100%                               |

|   |  |  |      |
|---|--|--|------|
|   |  | thu thập, nhập liệu, làm sạch, xử lý, sử dụng công cụ và phần mềm kinh tế lượng để ước lượng các mô hình nghiên cứu. -Đã viết báo cáo  |      |
| 2 | Nội dung 2: Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định ứng dụng công nghệ số trong sản xuất lúa của nông hộ ở đồng bằng sông Cửu Long                         | - K5 gồm 01 bài đăng trên tạp chí PTKH&CN-Kinh tế-Luật và quản lý, ĐHQG-HCM. - K3 gồm 01 bài đăng tạp chí quốc tế Q3. - K12 gồm Hướng dẫn 01 học viên cao học bảo vệ luận văn tốt nghiệp thành công tại Trường Đại học Quốc tế. - Đã viết báo cáo - K12: gồm Hướng dẫn 01 sinh viên bảo vệ khóa luận tốt nghiệp thành công tại Trường Đại học An Giang => vượt kế hoạch của thuyết minh. | 130% |
| 3 | Nội dung 3: Phân tích hiệu quả kinh tế và ảnh hưởng của việc ứng dụng công nghệ số đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa của nông hộ ở đồng bằng sông Cửu Long | - K1 gồm 01 bài đăng tạp chí quốc tế Q1 => vượt kế hoạch của thuyết minh (do thuyết minh là bài Q2) - K3 gồm 01 sách chuyên khảo do nhà xuất bản Đại học Quốc gia, TP.HCM xuất bản. - Đã viết báo cáo - K12 gồm Hướng dẫn 01 sinh viên bảo vệ khóa luận tốt nghiệp thành công => vượt kế hoạch của thuyết minh   | 150% |
| 4 | Nội dung 4: Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của nông hộ khi ứng dụng công nghệ số trong sản xuất lúa ở đồng bằng sông Cửu Long                   | - K5 gồm 01 bài đăng trên tạp chí PTKH&CN-Kinh tế-Luật và quản lý, ĐHQG-HCM. - Đã viết báo cáo - K12 gồm Hướng dẫn 01 sinh viên bảo vệ khóa luận tốt nghiệp thành công => vượt kế  | 150% |

|   |   |                       |      |
|---|---|-----------------------|------|
|   |   | hoạch của thuyết minh |      |
| 5 | Nội dung 5: Đề xuất giải pháp hữu hiệu giúp nâng cao hiệu quả kinh tế và sự hài lòng khi ứng dụng công nghệ số vào sản xuất lúa của nông hộ ở ĐBSCL | Đã viết báo cáo       | 100% |

### B1.2 Nội dung chưa hoàn thành theo tiến độ đăng ký

| TT | Nội dung chưa hoàn thành | Nguyên nhân | Biện pháp khắc phục |
|----|--------------------------|-------------|---------------------|
| 1  |                          |             |                     |
| 2  |                          |             |                     |

Mô tả sản phẩm/kết quả nghiên cứu (căn cứ đề cương được phê duyệt)

Công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao công nghệ (kèm minh chứng)

| TT | Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao (sản phẩm chuyển giao- Thông số kỹ thuật của sản phẩm) | Năm chuyển giao | Đối tác ký hợp đồng | Ngày ký hợp đồng | Doanh thu từ hợp đồng | Quy mô |
|----|--|-----------------|---------------------|------------------|-----------------------|--------|
| 1  |  |                 |                     |                  |                       |        |
| 2  |  |                 |                     |                  |                       |        |

## B2. Sản phẩm nghiên cứu (kèm minh chứng)

Dạng I: Các sản phẩm mềm

| TT | Tên sản phẩm | Chỉ tiêu đánh giá (định lượng) | Ghi chú |
|----|--------------|--------------------------------|---------|
|----|--------------|--------------------------------|---------|

Dạng II: Các sản phẩm cứng

| TT | Tên sản phẩm cụ thể | Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu | Đơn vị đo | Mức chất lượng                 |              | Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra |
|----|---------------------|-----------------------------|-----------|--------------------------------|--------------|---|
|    |                     |                             |           | Chỉ tiêu đánh giá (định lượng) | Mẫu tương tự |   |
|    |                     |                             |           |                                | Trong nước   | Thế giới                                |

### B2.1 Ấn phẩm khoa học

| TT | Tên sản phẩm  | Loại KPI | Tên KPI                                      | Ghi chú |
|----|---|----------|--|---------|
| 1  | Digital Technology Adoption and its impact on household Efficiency: case study drones in rural Vietnam                                  | K1       | Bài báo tạp chí quốc tế Q1                   |         |
| 2  | The effect of farm size on the decision to adopt digital technology: The case of Unmanned Aerial Vehicles in rice production in Vietnam | K3       | Bài báo tạp chí quốc tế Q3/Q4                |         |
| 3  | Hiệu quả kinh tế của việc ứng dụng công nghệ số vào hoạt động canh tác lúa ở đồng bằng sông Cửu Long                                    | K3       | Sách chuyên khảo thuộc NXB uy tín trong nước |         |

|   |  |    |   |
|---|--|----|---|
| 4 | Ứng dụng công nghệ số trong sản xuất lúa của nông hộ ở đồng bằng sông Cửu Long   | K5 | Bài báo tạp chí trong nước theo Hội đồng Giáo sư nhà nước |
| 5 | Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của nông hộ khi ứng dụng công nghệ số trong sản xuất lúa ở đồng bằng sông Cửu Long | K5 | Bài báo tạp chí trong nước theo Hội đồng Giáo sư nhà nước |

## B2.2 Đăng ký sở hữu trí tuệ

| TT | Tên sản phẩm | Loại KPI | Tên KPI | Ghi chú |
|----|--------------|----------|---------|---------|
|----|--------------|----------|---------|---------|

## B2.3 Kết quả đào tạo (kèm minh chứng)

| TT | Tên sản phẩm  | Loại KPI | Tên KPI  | Ghi chú |
|----|---|----------|--|---------|
| 1  | Nhân tố ảnh hưởng đến ý định ứng dụng công nghệ số trong sản xuất lúa của nông hộ tỉnh An Giang | K12      | Đào tạo thành công học viên cao học tại một trong các cơ sở đào tạo thuộc ĐHQG-HCM |         |

## B3. Hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước đã được tổ chức, tham gia

| TT | Thời gian | Tên hội thảo, hội nghị (chủ đề) | Địa điểm | Kết quả |
|----|-----------|---------------------------------|----------|---------|
| 1  |           |                                 |          |         |
| 2  |           |                                 |          |         |

Cán bộ được cử đi trao đổi HTQT về KH&CN (Hội nghị, hội thảo, tập huấn ngắn hạn) thông qua đề tài/dự án

| TT | Tên người được cử đi | Thời gian | Địa điểm | Nội dung trao đổi | Kết quả thu được |
|----|----------------------|-----------|----------|-------------------|------------------|
| 1  |                      |           |          |                   |                  |
| 2  |                      |           |          |                   |                  |

## B4. Tình hình sử dụng kinh phí

| Kinh phí                               | Số tiền (triệu đồng)             | Ghi chú    |         |
|--|----------------------------------|------------|---------|
| Kinh phí đề nghị cấp tiếp              | 4.626.200                        |            |         |
| Kinh phí cấp đến thời điểm báo cáo     | 605.373.800                      |            |         |
| Kinh phí đề tài đề nghị ĐHQG-HCM cấp   | 610.000.000                      |            |         |
| Kinh phí sử dụng đến thời điểm báo cáo | 610.000.000                      |            |         |
| TT                                     | Tên nội dung đã quyết toán       | Số tiền    | Ghi chú |
| 1                                      | Chi đối tượng cung cấp thông tin | 32.000.000 |         |

|   |   |             |  |
|---|---|-------------|--|
| 2 | Photo, in ấn bảng hỏi, photo các quyền thuyết minh và báo cáo | 5.292.400   |  |
| 3 | Hội đồng đánh giá cuối kỳ                                     | 5.410.000   |  |
| 4 | Chi lập phiếu điều tra  | 2.250.000   |  |
| 5 | Thuê khoán chuyên môn   | 536.000.000 |  |
| 6 | Chi quản lý chung nhiệm vụ                                    | 29.047.600  |  |

## **B5. Nhận xét và đánh giá kết quả đạt được so với yêu cầu**

### **B5.1 Về nội dung**

Các nội dung hiện tại đang thực hiện không những đảm bảo hoàn thành các KPIs đăng ký trong thuyết minh đề tài đã được phê duyệt mà còn vượt một số KPIs so với đăng ký trong thuyết minh đề tài được phê duyệt.

### **B5.2 Về sản phẩm**

- Các sản phẩm khoa học:

- 01 sản phẩm K1: đã đăng 01 bài báo trên tạp chí quốc tế Q1. Kết quả này vượt chỉ tiêu so với kế hoạch đăng ký trong thuyết minh đề tài (đăng ký trong thuyết minh đã phê duyệt là Q2).

- 02 sản phẩm K3: đã đăng 01 bài báo trên tạp chí quốc tế Q3 và 01 sách chuyên khảo do nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hồ Chí Minh xuất bản. Kết quả này đạt đúng với kế hoạch đăng ký trong thuyết minh đề tài.

- 02 sản phẩm K5: đã đăng 02 bài báo trên Tạp chí phát triển khoa học và công nghệ, Kinh tế - Luật và quản lý, ĐHQG-HCM. Kết quả này đạt đúng với kế hoạch đăng ký trong thuyết minh đề tài.

- Các sản phẩm đào tạo:

+ 01 sản phẩm K12: đã hướng dẫn thành công 01 học viên cao học tham gia học tại Trường Đại Quốc tế, ĐHQG-HCM. Kết quả này đạt đúng với kế hoạch đăng ký trong thuyết minh đề tài.

+ Bên cạnh đó, hướng dẫn thành công 03 sinh viên hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp và đã nhận bằng tốt nghiệp đại học tại Trường Đại học An Giang, ĐHQG-HCM. Kết quả này vượt chỉ tiêu so với kế hoạch đăng ký trong thuyết minh đề tài.

### **B5.3 Về tiến độ**

Theo thời gian cho phép thực hiện hợp đồng là 02 năm tính từ tháng 01/2024 đến tháng 01/2026, về cơ bản nghiên cứu đã đạt được tất cả các KPIs đăng ký trong thuyết minh đề tài được phê duyệt. Tuy nhiên, sản phẩm đào tạo học viên cao học lại có lịch bảo vệ vào ngày 27/02/2026 do đó về cơ bản đề tài bị chậm 27 ngày so với thời gian thực hiện của đề tài.

Nguyên nhân chậm trễ bảo vệ luận văn cao học là do trong thời gian thực hiện luận văn, học viên cao học phải thu xếp công việc gia đình để di chuyển đến địa bàn mới (từ TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang cũ đến Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cũ) sinh sống và làm việc theo tiến trình sáp nhập tỉnh trên toàn quốc. Chính sự thay đổi này làm cho học viên cao học phải tốn nhiều thời gian để thích nghi môi trường sinh sống và làm việc mới do đó ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành luận văn. Mặc dù chậm nhưng học viên cao học cũng đã nỗ lực để hoàn thành và ra hội đồng bảo vệ luận văn cao học thành công vào ngày 27/02/2026 tại Trường Đại học Quốc tế, ĐHQG-HCM), do đó nhóm mới hoàn thành được PKI cuối cùng là sản phẩm đào tạo K12. Mặc dù bị chậm tiến độ so với kế hoạch (tháng 01/2026) nhưng nghiên cứu vẫn vượt 01 số KPIs so với đăng ký trong thuyết minh đề tài được phê duyệt.

**Tóm lại, nghiên cứu được thực hiện chậm hơn tiến độ 1 tháng và đã xin gia hạn đến tháng 07/2026. Mặc dù chậm 1 tháng nhưng nghiên cứu đã vượt KPIs cả về sản phẩm khoa học (từ K2 chuyển thành K1) và sản phẩm đào tạo (03 sinh viên đại học).**

### **B5.4 Kiến nghị**

Được nghiệm thu đề tài.

Ngày .... tháng .... năm .....

**Chủ nhiệm**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Nguyễn Lan Duyên**